



**Tạp chí**

# **NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

**ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**

**SCIENTIFIC JOURNAL - SAO DO UNIVERSITY**

P. ISSN 1859-4190

E. ISSN 2815-553X



**SỐ ĐẶC BIỆT**

**KỶ NIỆM 15 NĂM THÀNH LẬP TRƯỜNG**

**Số 2 (90)**

**2025**

## MỤC LỤC

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
1.	Xây dựng hệ sinh thái kinh tế số: Vai trò của giáo dục và nghiên cứu khoa học <i>Building a digital economy ecosystem: The role of education and scientific research</i>	<b>Nguyễn Kế Nghĩa</b> Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	8-16
2.	Áp dụng trí tuệ nhân tạo dự báo nhu cầu và tối ưu hóa tồn kho tại Việt Nam <i>Applying artificial intelligence to forecast demand and optimize inventory in Vietnam</i>	<b>Nguyễn Xuân Trang</b> Trường Kinh Tế Tài Chính - Đại học Thủ Dầu Một	17-24
3.	Kinh nghiệm của một số địa phương về phát triển nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế số - Bài học kinh nghiệm đối với tỉnh Hải Dương <i>Experiences of some localities in developing human resources for digital economic development - Lessons learned for Hai Duong province</i>	<b>Vũ Hồng Phong; Phan Hoàng Đức; Vũ Văn Đông</b> Trường Đại học Sao Đỏ	25-33
4.	Giải pháp phát huy tiềm năng và cơ hội tham gia, phát triển kinh tế số của thanh niên hiện nay <i>Solutions to promote the potential and opportunities to participate and develop the digital economy of youth</i>	<b>Nguyễn Tuấn Anh</b> Viện Nghiên cứu Thanh niên	34-43
5.	Nâng cao chất lượng nguồn lực giảng viên trong các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững <i>Improving the quality of teaching resources in higher education institutions to meet the needs of sustainable development</i>	<b>Nguyễn Thị Hiền Oanh</b> Trường Đại học Sài Gòn	44-52
6.	Kinh nghiệm quốc tế về quản lý nền kinh tế số và hàm ý cho Việt Nam <i>International experiences in digital economy governance and policy implications for Vietnam</i>	<b>Luyện Thùy Dung*, Bùi Tiến Thịnh</b> Trường Đại học Tài Chính – Quản trị kinh doanh	53-60
7.	Số hoá ngành du lịch Quảng Bình: cơ hội và thách thức trong chuyển đổi số <i>Digital Transformation of Quang Binh's Tourism Industry: Opportunities and Challenges</i>	<b>Phan Thị Quỳnh Trang</b> Trường Đại học Quảng Bình	61-69

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
8.	Khung năng lực nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong bối cảnh chuyển đổi số <i>Information technology human resource capacity framework in the context of digital transformation</i>	<b>Lại Thị Hiếu</b> Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì	70-76
9.	Thương mại điện tử góp phần quan trọng phát triển kinh tế số ở Việt Nam hiện nay <i>E-commerce as a key driver of digital economy development in Vietnam</i>	<b>Nguyễn Hữu Sơn</b> Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh	77-83
10.	Chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam hiện nay <i>Digital transformation in small and medium enterprises in Vietnam today</i>	<b>Trần Đăng Sinh<sup>1</sup>, Phùng Thị Lý<sup>2</sup></b> <sup>1</sup> Hội triết học Việt Nam <sup>2</sup> Trường Đại học Sao Đỏ	84-93
11.	Chuyển đổi số ở thị trường lao động Việt Nam dưới góc nhìn xã hội học <i>Digital Transformation in the Vietnamese Labor Market: A Sociological Perspective</i>	<b>Nguyễn Duy Thái<sup>1*</sup>, Nguyễn Thị Hải Hà<sup>2</sup>, Nguyễn Đức Chiện<sup>3</sup></b> <sup>1</sup> Tạp chí Xã hội học Việt Nam <sup>2</sup> Trường Đại học Sao Đỏ <sup>3</sup> Viện Xã hội học	94-100
12.	Chuyển đổi số truy xuất nguồn gốc nông sản: kinh nghiệm quốc tế và gợi ý cho Việt Nam <i>Digital transformation in agricultural product traceability: international experiences and recommendations for Vietnam</i>	<b>Lê Quý Dương<sup>1*</sup>, Nguyễn Đức Chiện<sup>2</sup>, Ngô Trung Thành<sup>3</sup>, Đinh Thị Thu Hằng<sup>3</sup>, Trần Thị Thu Thủy<sup>4</sup></b> <sup>1</sup> Viện nghiên cứu truyền thống và phát triển (TARDI) <sup>2</sup> Viện Xã hội học – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam <sup>3</sup> Khoa Khoa học xã hội – Học viện Nông nghiệp Việt Nam <sup>4</sup> Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật tỉnh Hải Dương	101-110
13.	Tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số đến phong cách lãnh đạo doanh nghiệp <i>Impacts of the Fourth Industrial Revolution and the digital transformation upon business leadership style</i>	<b>Lưu Ngọc Trinh<sup>1*</sup>, Lê Đăng Minh<sup>2</sup></b> <sup>1</sup> Đại học Công Nghệ Giao thông vận tải <sup>2</sup> Đại học Công nghệ Sài Gòn	111-120

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
14.	Nỗ lực thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của Nhật Bản <i>Japan's Efforts in Promoting the Digital Transformation</i>	<b>Phạm Thị Hồng Hoa<sup>1</sup>, Lưu Ngọc Trinh<sup>2*</sup></b> <sup>1</sup> Trường Đại học Sao Đỏ <sup>2</sup> Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	121-131
15.	Phát triển nông nghiệp trong nền kinh tế số hiện nay: Cơ hội và thách thức <i>Agricultural Development in Today's Digital Economy: Opportunities and Challenges</i>	<b>Nguyễn Thị Ngọc Mai</b> Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi	132-140
16.	Chính sách thu hút đầu tư nước ngoài vào kinh tế số tại Việt Nam <i>Policies for attracting foreign investment into the digital economy in Vietnam</i>	<b>Bùi Tiến Thịnh*, Nguyễn Thị Hoàng Mai</b> Trường Đại học Tài Chính – Quản trị kinh doanh	141-148
17.	Kinh tế số trong ngành du lịch Việt Nam: Cơ hội và thách thức <i>Digital Economy in Vietnam tourism industry: Opportunities and challenges</i>	<b>Nguyễn Hoàng Mai<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Ngọc Mai<sup>2</sup></b> <sup>1</sup> Viện nghiên cứu phát triển du lịch <sup>2</sup> Trường Đại học Sao Đỏ	149-158
18.	Phát triển doanh nghiệp tư nhân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trong nền kinh tế số <i>Developing private enterprises in Da Lat city, Lam Dong province in the digital economy</i>	<b>Trương Minh Hoài<sup>1*</sup>, Lê Thị Lại<sup>2</sup></b> <sup>1</sup> Trường Đại học Đà Lạt <sup>2</sup> Trường cao đẳng Đà Lạt	159-165
19.	Phổ cập hiểu biết ứng dụng fintech – Gợi ý giải pháp chuyển đổi số <i>Popularizing fintech application knowledge - Digital transformation solution suggestions</i>	<b>Lê Thị Thúy Hà</b> Phân hiệu Bắc Ninh – Học viện Ngân hàng	166-175
20.	Quá trình phát triển và xu hướng thị trường thương mại điện tử trong tương lai ở Việt Nam <i>The development process and future trends of the e-commerce market in Vietnam</i>	<b>Nguyễn Thị Huệ</b> Trường Đại học Sao Đỏ	176-186
21.	Giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn Việt Nam trong kỷ nguyên số <i>Solutions for agricultural and rural economic development in Vietnam in the digital era</i>	<b>Ngô Thị Luyện</b> Trường Đại học Sao Đỏ	187-194
22.	Một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực trong xây dựng kinh tế số tại Việt Nam <i>Some solutions for human resource development in building digital economy in Vietnam</i>	<b>Hoàng Thị Hoa</b> Trường Đại Học Sao Đỏ	195-204

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
23.	Ứng dụng AI trong hoạt động marketing tại doanh nghiệp - Cơ hội và thách thức <i>Applying AI in marketing activities at enterprises - Opportunities and challenges</i>	<b>Nguyễn Thị Thủy</b> Trường Đại học Sao Đỏ	205-212
24.	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phát triển du lịch thông minh tại tỉnh Hải Dương <i>Application of artificial intelligence (AI) in tourism development smart in Hai Duong province</i>	<b>Vũ Thị Hương</b> Trường Đại học Sao Đỏ	213-221
25.	Hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp Việt Nam trong nền kinh tế số <i>Accounting information systems in Vietnamese enterprises in the digital economy</i>	<b>Vũ Thị Lý</b> Trường Đại học Sao Đỏ	222-231
26.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hàng tồn kho, hiệu quả tại doanh nghiệp <i>Application of information technology in inventory management, efficiency in business</i>	<b>Vũ Thị Thanh Thủy</b> Trường Đại học Sao Đỏ	232-240
27.	Kinh tế số và giải pháp phát triển mô hình kinh tế số tại Việt Nam <i>Digital economy and solutions for developing digital economic models in Vietnam</i>	<b>Nguyễn Minh Tuấn*</b> , <b>Phạm Thị Hồng Hoa</b> Trường Đại học Sao Đỏ	241-249
28.	Ảnh hưởng của áp dụng trí tuệ nhân tạo đến năng suất lao động trong các doanh nghiệp thương mại điện tử tại Việt Nam <i>The influence of artificial intelligence adoption on workforce productivity in Vietnam e-commerce enterprises</i>	<b>Nguyễn Thị Huyền Trang*</b> , <b>Trần Trọng Đức</b> , <b>Lê Khánh Duyên</b> , <b>Nguyễn Tuấn Minh</b> , <b>Nguyễn Hữu Hoàng Phúc</b> , <b>Đinh Thị Hồng Thắm</b> Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	250-257
29.	Rủi ro gian lận báo cáo tài chính trong môi trường số và giải pháp kiểm toán số tại Việt Nam <i>Risk of financial reporting fraud in the digital environment and digital audit solutions in Vietnam</i>	<b>Đinh Thị Kim Thiết</b> Trường Đại học Sao Đỏ	258-265
30.	Hoàn thiện thể chế tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế số tại Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc <i>Perfecting the institutional framework as a prerequisite for digital economy development in Vietnam amidst the nation's rise</i>	<b>Đậu Ngọc Linh</b> Học viện cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh	266-273

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
31.	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế số và hàm ý chính sách cho Việt Nam <i>Factors influencing digital economy development and policy implications for Vietnam</i>	<b>Hồ Thị Hà</b> Trường Kinh tế tài chính - Trường Đại học Thủ Dầu Một	274-281
32.	Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam: Thách thức và giải pháp <i>Promoting digital transformation in small and medium-sized enterprises (SMES) in Vietnam: Challenges and solutions.</i>	<b>Nguyễn Thị Minh Hiếu<sup>1*</sup>, Nguyễn Thị Huyền Trang<sup>2</sup></b> <sup>1</sup> Trường Đại học Lao động Xã hội cơ sở II <sup>2</sup> Trường Cao đẳng Công nghệ cao Đồng Nai	282-289
33.	Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu kinh tế số ở Việt Nam hiện nay <i>Developing human resources to meet digital economy requirements in Vietnam today</i>	<b>Tạ Thị Năm</b> Trường Đại học Công đoàn	290-297
34.	Cải tiến phương pháp kiểm tra - đánh giá nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số <i>Improving assessment methods – enhancing student training quality in the context of digital transformation</i>	<b>Nguyễn Thị Thuỳ Trinh</b> Trường Cao đẳng Đà Lạt	298-305
35.	Giải pháp nâng cao năng lực số của giảng viên đại học trong giai đoạn chuyển đổi số <i>Solutions to improve digital capabilities of university lecturers during the digital transformation period</i>	<b>Nguyễn Thị Hiền</b> Học Viện Ngân Hàng - Phân Viện Phú Yên	306-316
36.	Giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam trong kỷ nguyên số <i>Solutions to promote digital transformation of small and medium enterprises of Vietnam in the digital age</i>	<b>Đinh Mạnh Tuấn<sup>1*</sup>, Lê Thanh Thảo<sup>2</sup></b> <sup>1</sup> Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ <sup>2</sup> Công ty IPCOM Vietnam	317-323
37.	Ứng dụng công nghệ số trong công tác giảng dạy <i>Applying digital technology in teaching</i>	<b>Nguyễn Thị Hồng</b> Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TP HCM	324-331
38.	Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thông minh: Góc nhìn pháp lý trong bối cảnh phát triển kinh tế số <i>The validity conditions of smart contracts: A legal perspective in the context of digital economic development</i>	<b>Nguyễn Phương Uyên*, Thái Trần Văn Huế, Nguyễn Thị Diệu Hiền, Nguyễn Khánh Linh</b> Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	332-339

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
39.	Phân tích tích hợp các đổi mới FinTech trong ngành ngân hàng: Những cải tiến và thách thức <i>Integrated Analysis of FinTech Innovations in Banking: Enhancements and Challenges</i>	<b>Phí Văn Trọng*</b> , <b>Trần Thị Nam Thanh</b> Trường Đại học Kinh tế quốc dân	340-349
40.	Một số vấn đề về chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng Việt Nam hiện nay <i>Some issues on digital transformation in the banking sector in Vietnam today</i>	<b>Nguyễn Thị Huệ</b> Viện Nghiên cứu Văn hoá – Viện Hàn lâm KHXHVN	360-359
41.	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu xây dựng nền kinh tế số của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập khu vực Châu Á - Thái Bình Dương hiện nay <i>Developing high-quality human resources to meet the demands of building Vietnam's digital economy in the context of regional integration in the Asia-Pacific today</i>	<b>Tiêu Thị Thu Ngân*</b> , <b>Nguyễn Phương Linh</b> , <b>Vũ Tuấn Nghĩa</b> Trường Đại học Ngoại thương	360-367
42.	Thực trạng chuyển đổi số ngành ngân hàng tại Việt Nam <i>The current situation of digital transformation of the banking industry in Vietnam</i>	<b>Lương Thị Hoa</b> Trường Đại học Sao Đỏ	368-376
43.	Giải pháp chuyển đổi số trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương <i>Solutions for digital transformation in accounting practices at businesses in Hai Duong province</i>	<b>Nguyễn Thị Quỳnh</b> Trường Đại học Sao Đỏ	377-385
44.	Phát triển năng lực số cho sinh viên các trường đại học trong giai đoạn hiện nay <i>Developing digital competencies for university students in the current context</i>	<b>Nguyễn Thị Lý</b> Trường Đại học Lâm nghiệp	386-394
45.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng hàng Việt trên sàn thương mại điện tử tại Việt Nam <i>Study on factors influencing Vietnamese consumer behavior on E-commerce platforms in Vietnam</i>	<b>Trần Cương</b> , <b>Trần Thị Quý Chinh*</b> Trường Kinh tế, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	395-403

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
46.	Các nhân tố ảnh hưởng đến ứng dụng công nghệ thông tin tại các doanh nghiệp Logistics trên địa bàn thành phố Hà Nội <i>Factors influencing the application of information technology in Logistics Enterprises in Hanoi</i>	<b>Trần Thị Quý Chinh*</b> , <b>Trần Cương</b> , <b>Nguyễn Thị Mai Anh</b> , <b>Phạm Thị Hương Giang</b> Trường Kinh tế, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	404-412
47.	Sử dụng lý thuyết TAM trong nghiên cứu nhận thức và mức độ tương tác của giảng viên và sinh viên kế toán, kiểm toán với ứng dụng AI trong đào tạo đại học. <i>Utilizing TAM Theory to study the perception and interaction of accounting and auditing lecturers and students with AI-powered tools in higher education</i>	<b>Phùng Đặng Diệp Chi</b> , <b>Nguyễn Khánh Ly</b> , <b>Nguyễn Thu Ngân</b> , <b>Phạm Thành Long*</b> Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	413-421
48.	Áp dụng thuế bất động sản trong bối cảnh chuyển đổi số: Kinh nghiệm từ Nga, Hoa Kỳ, Singapore và hàm ý chính sách cho Việt Nam <i>Real estate taxation in the digital age: Implementation insights from Russia, the United States, Singapore, and policy implications for Vietnam</i>	<b>Nguyễn Văn Lộc</b> , <b>Nguyễn Văn Phương</b> , <b>Phạm Ngọc Hương Quỳnh*</b> Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	422-431
49.	Tác động của quản trị nhân sự số đến kết quả làm việc của nhân viên tại các cơ sở giáo dục tại Hà Nội <i>The impact of digital human resource management on employee performance in educational institutions in Ha Noi</i>	<b>Nguyễn Minh Phương<sup>1</sup></b> , <b>Đào Thị Hà Anh<sup>2*</sup></b> , <b>Nguyễn Văn Lộc<sup>2</sup></b> <sup>1</sup> Trường Đại học Việt Nhật - Đại học Quốc gia Hà Nội <sup>2</sup> Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	432-441
50.	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn giải pháp tăng cường thực thi chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam <i>Some theoretical and practical issues on solutions to strengthen the implementation of policies to support digital transformation for small and medium-sized enterprises in Vietnam</i>	<b>Phạm Thanh Tùng</b> Ban Tổ chức – Kiểm tra Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	442-450

## Số hoá ngành du lịch Quảng Bình: Cơ hội và thách thức trong chuyển đổi số

### Digital transformation of Quang Binh's tourism industry: Opportunities and Challenges

**Phan Thị Quỳnh Trang**

Trường Đại học Quảng Bình

Email: [Tranguniqb@gmail.com](mailto:Tranguniqb@gmail.com)

Ngày nhận bài: 19/02/2025

Ngày nhận bài sửa theo phản biện: 12/4/2025

Ngày chấp nhận đăng: 11/5/2025

#### Tóm tắt

Với điều kiện tự nhiên đa dạng nhiều địa điểm đẹp, cảnh quan độc đáo, Quảng Bình giữ ưu thế trong phát triển du lịch hang động song hành với du lịch biển và nhiều hình thức du lịch hấp dẫn khác. Tuy nhiên, du lịch ngày nay đã không còn là sự trải nghiệm đơn giản của việc di chuyển từ địa điểm này đến địa điểm khác, mà là sự trải nghiệm du lịch, kinh doanh và quản lý du lịch thông qua việc sử dụng dữ liệu và công nghệ số. Để bắt kịp với xu thế đó của nền kinh tế số hoá, ngành du lịch Quảng Bình đang chuyển dần từ mô hình kinh doanh truyền thống sang mô hình hiện đại hơn, tập trung vào cải thiện những trải nghiệm của du khách thông qua chuỗi giá trị số dựa trên dữ liệu. Trong nghiên cứu này, tác giả đề cập đến cuộc cách mạng số hoá trong ngành du lịch, nghiên cứu những cơ hội và thách thức trong chuyển đổi số ngành du lịch tại Quảng Bình.

**Từ khóa:** *Chuyển đổi số ngành du lịch; công nghệ số; số hoá ngành du lịch Quảng Bình.*

#### Abstract

With its diverse natural conditions, numerous beautiful locations, and unique landscapes, Quang Binh holds a competitive advantage in developing cave tourism alongside beach tourism and many other attractive forms of tourism. However, tourism today is no longer a simple experience of moving from one place to another, but rather a tourism experience, business, and tourism management experience through the use of data and digital technology. To keep up with this trend of the digital economy, Quang Binh's tourism industry is gradually shifting from traditional business models to more modern ones, focusing on improving visitor experiences through a data-driven digital value chain. In this study, the author addresses the digital revolution in the tourism industry, examining the opportunities and challenges in the digital transformation of the tourism sector in Quang Binh

**Keywords:** *Digital transformation of the tourism industry; digital technology; digitalization of Quang Binh's tourism industry.*

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong ngữ cảnh của Cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra sôi động, nền kinh tế số nổi lên như một làn gió mới với việc ứng dụng công nghệ số và truyền thông điện tử để tiến hành các hoạt động kinh tế và kinh doanh trên nhiều lĩnh vực, bao gồm thương mại, dịch vụ, giáo dục... trong đó có thể kể đến sự lột xác thành công của ngành du lịch. Nền kinh tế số thúc đẩy sự thay đổi trong ngành du lịch, chuyển từng bước cách thức tương tác và tăng cường khả năng trải nghiệm của du khách trong và ngoài nước, là động lực chính cho sự tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Quảng Bình nổi lên là điểm đến du lịch Việt Nam trong những năm gần đây với nhiều địa điểm đẹp, cảnh quan độc đáo, phát triển đa dạng các loại hình du lịch như du lịch hang động song hành với du lịch biển và nhiều hình thức du lịch hấp dẫn khác. Thông tin từ Sở Du lịch Quảng Bình cho biết, tháng 4/2024, các chỉ tiêu phát triển du lịch trong tỉnh đều tăng cao so với cùng kỳ năm 2023. Cụ thể, tổng lượt khách du lịch đến Quảng Bình dự ước đạt khoảng 411.000 lượt khách, tăng 17,43% so với cùng kỳ, trong đó khách nội địa ước đạt 396.300 lượt khách, tăng 17,25%; khách quốc tế ước đạt 14.700 lượt khách, tăng 22,5%. Tổng thu từ khách du lịch dự ước đạt khoảng hơn 472 tỷ đồng, tăng 19,51% so với cùng kỳ. Để có được sự tăng trưởng vượt trội như thế không thể không kể đến sự thay đổi không ngừng trong chủ trương, chính sách để phù hợp với sự phát triển chung của nền kinh tế nước nhà mà còn là

sự nỗ lực trong việc kịp thời ứng dụng công nghệ số vào ngành du lịch để làm mới chính mình, đây là cơ hội nhưng cũng là thử thách không nhỏ đối với ngành du lịch địa phương.

Ngành du lịch là một ngành kinh tế năng động và có sự phát triển nhanh chóng, hoà cùng xu thế phát triển của khu vực và thế giới, để nâng cao vị thế ngành tạo ra sự chuyên nghiệp, thích ứng nhanh và đổi mới phù hợp thì việc tăng cường kết nối số trong ngành du lịch là chiến lược tất yếu. Đây cũng là vấn đề mang tính trọng điểm trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư có những ảnh hưởng rộng lớn và sâu sắc, vừa mở ra nhiều cơ hội phát triển ngành nhưng đem đến những thách thức không nhỏ về năng lực cạnh tranh và sự phát triển không ngừng trong nhu cầu của khách hàng. Những nghiên cứu và đề xuất của bài báo này tập trung vào phân tích những cơ hội, thách thức tại thị trường ngành du lịch Quảng Bình, từ đó đề xuất những giải pháp cần thiết đáp ứng nhu cầu phát triển hiện tại của ngành du lịch Quảng Bình trong thời đại 4.0.

## 2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Chuyển đổi số với ngành du lịch

Trong quá trình phát triển của kỷ nguyên số thì chuyển đổi số là điều tất yếu mà các quốc gia trên thế giới đang hướng tới, trong đó có Việt Nam. Khái niệm chuyển đổi số (Digital transformation) đã xuất hiện từ rất lâu trên thế giới và có nhiều cách định nghĩa khác nhau về thế nào là chuyển đổi số, tuy nhiên khó có thể có được một định nghĩa rõ ràng và cụ thể về quá trình chuyển đổi số

bởi mục đích ứng dụng trong các lĩnh vực khác nhau sẽ có sự khác nhau riêng biệt.

Theo Gartner- công ty nghiên cứu và tư vấn công nghệ thông tin hàng đầu thế giới đưa ra định nghĩa về chuyển đổi số như sau: chuyển đổi số là việc sử dụng các công nghệ số để thay đổi mô hình kinh doanh, tạo ra những cơ hội, doanh thu và giá trị mới.

Theo Hande Multu Ozturk, (2020) cho rằng du lịch thông minh đã tập trung vào việc sử dụng các công nghệ tiên tiến để chuyển đổi dữ liệu thành các mô hình kinh doanh mới hiệu quả bằng cách sử dụng và đánh giá dữ liệu được thu thập thông qua cơ sở hạ tầng vật lý và kết nối xã hội.

Theo Lê Quang Đăng (2018), Cách mạng công nghiệp 4.0 và tiến trình phát triển du lịch thông minh tại Việt Nam cho rằng: Du lịch thông minh là du lịch được phát triển trên nền tảng ứng dụng những thành tựu của khoa học và công nghệ hiện đại, đặc biệt là công nghệ thông tin truyền thông nhằm tạo ra những giá trị, lợi ích và dịch vụ tốt nhất, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách du lịch, doanh nghiệp du lịch, cơ quan quản lý du lịch và cộng đồng.

Tại Việt Nam “Chuyển đổi số là quá trình con người thay đổi cách sống, cách làm việc, và phương thức sản xuất với các công nghệ số”[1]. Bản chất của chuyển đổi số là việc chuyển đổi từ cách sống, cách làm việc truyền thống sang cách sống và làm việc với cả các phiên bản số của các thực thể và sự kết nối của chúng trong không gian số. Quá trình chuyển đổi số gắn liền với cách mạng công nghiệp 4.0 và dẫn đến xu thế máy móc sẽ thay thế con người

trong nhiều công việc hiện tại cũng như việc biến mất và ra đời của nhiều công việc mới. Trong tương lai, máy móc sẽ thực hiện 42% số giờ làm việc tại công sở vào năm 2022, so với 29% hiện tại[1]. Và mặc dù 75 triệu việc làm sẽ được thay thế bởi máy móc thì sẽ có 133 triệu việc làm mới sẽ xuất hiện.

Như vậy, có thể thấy rằng chuyển đổi số ra đời có tác động mạnh mẽ, trực tiếp đến tất cả các lĩnh vực, ngành nghề của đời sống xã hội và du lịch cũng không phải là ngoại lệ. Chuyển đổi số trong ngành du lịch được hiểu là một sự chuyển dịch từ mô hình kinh doanh và tiếp thị truyền thống sang mô hình kinh doanh hiện đại hơn tập trung vào khách hàng theo mô hình chuỗi giá trị số dựa trên dữ liệu, qua đó tạo ra và cung cấp các dịch vụ thuận tiện nhất cho khách du lịch và làm du khách hài lòng. Theo báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam “Xác định được tầm quan trọng cũng như xu hướng tất yếu của chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch, Tổng cục Du lịch Việt Nam đã tiến hành xây dựng hệ thống các sản phẩm ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong ngành du lịch. Đây chính là nền tảng hình thành hệ sinh thái chuyển đổi số du lịch, giúp cho các chủ thể dễ dàng tiếp cận và thực hiện chuyển đổi số nhanh hơn. Trong đó, Thẻ Du lịch thông minh, ứng dụng Du lịch Việt Nam - Vietnam Travel, ứng dụng Nền tảng Quản trị và Kinh doanh du lịch, Trang vàng Du lịch Việt Nam, hệ thống cơ sở dữ liệu Du lịch Việt Nam,... được xem là những sản phẩm cốt lõi hỗ trợ thiết thực cho khách du lịch, chuỗi cung ứng dịch vụ du lịch, hướng dẫn

viên, cơ quan quản lý nhà nước về du lịch. Đặc biệt, app "Du lịch Việt Nam an toàn" - một nền tảng tích hợp đa tiện ích quan trọng như bản đồ số du lịch an toàn, liên thông dữ liệu y tế về tình hình dịch bệnh ở các địa phương, cung cấp thông tin các cơ sở dịch vụ du lịch an toàn... Cùng với đó, nhiều sản phẩm thông minh và tiện ích giúp đáp ứng tối ưu nhu cầu của người dùng, tiêu biểu như hệ thống quản lý phòng tại các cơ sở lưu trú, hệ thống vé điện tử, hệ thống kiểm soát ra vào tự động, bãi đỗ xe thông minh, máy bán nước tự động,..."[2]. Ngành du lịch (DL) tại Việt Nam là một ngành kinh tế năng động và có sự phát triển nhanh chóng. Hoà cùng xu thế phát triển của khu vực và thế giới, để nâng cao vị thế ngành tạo ra sự chuyên nghiệp, thích ứng nhanh và đổi mới phù hợp thì việc tăng cường kết nối số trong ngành du lịch là chiến lược tất yếu. Đây cũng là vấn đề mang tính trọng điểm trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư có những ảnh hưởng rộng lớn và sâu sắc, vừa mở ra nhiều cơ hội phát triển ngành nhưng đem đến những thách thức không nhỏ về năng lực cạnh tranh và sự phát triển không ngừng trong nhu cầu của khách hàng.

## **2.2 Cơ hội chuyển đổi số trong ngành du lịch Quảng Bình**

*Thứ nhất*, sự phục hồi và chuyển mình sau đại dịch Covid -19. Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 lên hầu hết tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế nhưng cộng hưởng vào đó lại có những chuyển biến tích cực và ở một góc nhìn khác ta lại thấy đây là bệ phóng để có những sự thay đổi lớn với các

doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ- du lịch. Việc ứng dụng công nghệ số như ứng dụng qua mobile (đặt phòng online, thanh toán online..), sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI), chatbots, điểm đánh giá của khách hàng (Rating và review) .....được triển khai rộng rãi và có hiệu quả.

Khi du lịch bắt đầu những bước phục hồi cũng là thời điểm các doanh nghiệp kinh doanh du lịch bước vào đường đua quảng bá trên các nền tảng số để thiết lập lại thị phần. Không chỉ là hoạt động xây dựng các website như nhiều năm trước mà các nền tảng số như tiktok, zalo, youtube, facebook... là "mảnh đất vàng" để các doanh nghiệp (DN) khai thác quảng bá sản phẩm. Việc sử dụng công nghệ kỹ thuật số trong các quy trình du lịch có thể nâng cao chất lượng và hiệu quả của các quy trình này, bao gồm hệ thống đặt chỗ, thanh toán điện tử, cung cấp thông tin chính xác và cập nhật cho khách du lịch, các trang web và ứng dụng du lịch, hệ thống cung cấp dịch vụ và các hoạt động du lịch khác. Các quá trình liên quan công nghệ kỹ thuật số giúp cải thiện những nỗ lực tiếp thị và quảng cáo, thu hút nhiều khách du lịch hơn cũng như cung cấp thông tin và cập nhật chính xác về các điểm du lịch và các dịch vụ liên quan thông qua trang web, ứng dụng, phương tiện truyền thông xã hội, quảng cáo trực tuyến và các hoạt động liên quan khác.

*Thứ hai*, công nghệ số giúp nâng cao hiệu suất và chất lượng các dịch vụ du lịch. Thông qua phân tích dữ liệu liên quan đến du lịch cũng có thể nâng cao hiệu suất và chất lượng của các dịch vụ liên quan đến du

lịch bằng cách kiểm tra hành vi của khách du lịch, dự báo nhu cầu và tối ưu hóa các kế hoạch du lịch. Công nghệ kỹ thuật số cũng có thể nâng cao chất lượng trải nghiệm du lịch, bao gồm việc sử dụng thực tế ảo và thực tế tăng cường, trải nghiệm du lịch trực tuyến và cung cấp thông tin cập nhật về các điểm du lịch. Việc tích hợp các công nghệ này trong ngành du lịch có thể nâng cao chất lượng và hiệu quả của các dịch vụ liên quan đến du lịch, tăng số lượng khách du lịch và góp phần phát triển kinh tế của các quốc gia.

Với những ưu việt của công nghệ số hoá, các đơn vị kinh doanh dịch vụ - du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đã triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin như: Vận hành ứng dụng phần mềm (App) du lịch thông minh trên nền tảng Android và iOS; triển khai Ứng dụng Công nghệ 3D trong thông tin, quảng bá du lịch... Chính sự tiện ích của các dịch vụ trên internet mà giúp cho doanh nghiệp và du khách rút ngắn được khoảng cách địa lý, tiết kiệm được thời gian, tiền của. Bởi thế, các đơn vị kinh doanh du lịch đều coi các nền tảng số là kênh quảng bá thông tin quan trọng giúp họ tiếp cận nhanh nhất với nhu cầu của du khách. Booking, Agoda, Traveloka... cũng là những đại lý dịch vụ du lịch trực tuyến được hầu hết đơn vị kinh doanh lưu trú khai thác hiệu quả. Với nhiều DN, lượng khách đặt phòng trên các ứng dụng này chiếm hơn 90%. Các gói hợp tác quảng bá du lịch cũng dần được kết nối như gói hợp tác quảng bá DL Quảng Bình giữa Sở DL và Tạp chí điện tử Tri thức trực tuyến (Zing

News) do Công ty TNHH MTV Chua Me Đất tài trợ đã được hoạt động. Có thể nói đây mạnh quảng bá trên các nền tảng số, số hoá các địa điểm du lịch Quảng Bình hay nâng cấp hệ thống quản lý và vận hành hệ sinh thái du lịch thông minh là cần thiết và thích ứng.

*Thứ ba*, công nghệ số giúp tối ưu hóa công tác quản lý tài nguyên du lịch. Với các công cụ số hoá và công nghệ quản lý dữ liệu, các đơn vị chức năng dễ dàng theo dõi các nguồn tài nguyên thiên nhiên, có thể đưa ra những đánh giá, dự báo và kiểm soát kịp thời các tình trạng sử dụng quá tải hay khai thác quá mức các tài nguyên du lịch giúp cho công tác quản lý và bảo vệ tài nguyên du lịch trở nên dễ dàng, thuận tiện.

*Thứ tư*, công nghệ số tạo ra sự tiện ích trên đa phương diện của khách hàng, đáp ứng tối ưu những nhu cầu thiết thực cho khách hàng, nhờ đó tăng cường được sự tương tác và ủng hộ của khách hàng. Thông qua thiết bị di động, các công cụ internet khách hàng có thể lên kế hoạch cho toàn bộ chuyến đi của mình như: đặt vé, đặt phòng, đặt tour du lịch, đặt suất ăn, đặt xe di chuyển...mà không phải thông qua bất kỳ ai theo cách truyền thống. Đây cũng là áp lực để các đơn vị du lịch không ngừng nâng cao, cải tiến chất lượng, dịch vụ cung cấp cho khách hàng thông qua nền tảng công nghệ kỹ thuật số mới đáp ứng được tính cạnh tranh.

### **2.3. Thách thức đặt ra đối với chuyển đổi số ngành du lịch tại Quảng Bình**

Du lịch là một ngành mũi nhọn có chuỗi giá trị kinh tế rộng nhất và năng động nhất,

đồng nghĩa với việc có nhiều cơ hội tốt chắc chắn sẽ đi kèm với thách thức lớn. Có thể thấy rằng chủ trương triển khai đồng bộ ứng dụng công nghệ số vào phát triển ngành du lịch Việt Nam nói chung và các địa phương nói riêng là chính xác và đem lại hiệu quả cao, tuy nhiên đối mặt với nó những thách thức không hề nhỏ.

*Thách thức lớn nhất* ở đây là năng lực ứng dụng chuyển đổi số. Theo đánh giá quá trình chuyển đổi số tại các đơn vị kinh doanh dịch vụ, du lịch tại Quảng Bình thì quá trình ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành Du lịch hiện còn chưa đồng bộ và thống nhất. Những hoạt động số hóa trong ngành còn rời rạc và chưa phát huy tối đa hiệu quả do cơ sở dữ liệu chưa được chia sẻ để kết nối và đồng nhất dẫn đến quá trình quản lý, kiểm soát, báo cáo thống kê dữ liệu ngành và đưa ra nhận định về xu hướng phát triển gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, cũng như ở các lĩnh vực khác, việc chuyển đổi số trong ngành du lịch gặp phải những khó khăn cơ bản như: nguồn lực (thiếu hụt nguồn lực tài chính, công nghệ và nhân lực); đối với những doanh nghiệp khi tiến hành chuyển đổi số để áp dụng công nghệ mới phải tốn kém chi phí đầu tư ban đầu và chi phí này không hề nhỏ; tầm nhìn người lãnh đạo; rào cản trong văn hoá doanh nghiệp...

Ứng dụng công nghệ thông tin trong đại đa số các doanh nghiệp du lịch mới dừng ở mức cơ bản, chưa khai thác được tối ưu các lợi thế của công nghệ trong cạnh tranh, thu hút khách hàng cũng như trong quản lý, điều hành doanh nghiệp. Theo khảo sát của

Hiệp hội Du lịch Việt Nam, hiện nay, ngoài hệ thống khách sạn, đặc biệt là khách sạn cao cấp, thương hiệu quốc tế và các hãng hàng không ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh khá thành công thì hầu hết các đối tượng khác liên quan đến hoạt động du lịch như: doanh nghiệp lữ hành, điểm tham quan và các đơn vị vận chuyển đều còn nhiều hạn chế trong việc ứng dụng công nghệ số. Đối với các doanh nghiệp lữ hành, một số công ty lữ hành lớn ở Quảng Bình như Saigontourist, Vietravel, Vietrantour, Viet Media Travel, Vietnamtourism... đều tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh du lịch với khối lượng sản phẩm phong phú, có thông tin cụ thể về thời điểm, giá cả, các dịch vụ. Website của các công ty này đã giới thiệu và cung cấp nhiều sản phẩm sẵn có của công ty cho khách hàng. Trong khi đó, hầu hết các công ty lữ hành nhỏ, các đơn vị kinh doanh của các hộ gia đình... chỉ đơn thuần giới thiệu sản phẩm và đề nghị khách hàng đăng ký, công ty sẽ liên hệ lại và thông báo chi tiết. Điều đáng tiếc hơn cả là thị trường du lịch trực tuyến tại Quảng Bình dường như đang là mảnh đất màu mỡ cho các thương hiệu nước ngoài khai thác, đầu tư thì các đơn vị hoạt động du lịch lại không biết tận dụng, khuyến khích trương quốc tế mà chỉ dừng lại ở phục vụ thị trường khách trong nước chỉ điểm tô đôi chút với du khách nước ngoài và số lượng giao dịch còn thấp.

*Thách thức thứ hai* đó là sự phát công nghệ số quá lớn dẫn đến sự phát triển phân tích dữ liệu lớn, và tạo áp lực về kỹ

năng và chính sách việc làm đối với thị trường lao động ngành du lịch Việt Nam nói chung và Quảng Bình nói riêng. Cụ thể, nhu cầu về kỹ năng số hiện vượt quá nguồn nhân lực của thị trường lao động cũng như năng lực đào tạo của hệ thống giáo dục và đào tạo. Sinh viên và nguồn lao động cho thị trường du lịch hiện nay chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao của nền kinh tế số.

*Thách thức thứ ba* đến từ vấn đề tài chính. Chuyển đổi số sẽ làm cho những yếu tố vốn dĩ là thế mạnh của du lịch truyền thống trở nên bất cập trong thời đại mới. Điển hình như hình ảnh hay giá trị thương hiệu không phải đo bằng những chỉ số giới hạn như cơ sở vật chất, thâm niên và các cá nhân xuất sắc của trường mà là lòng tin của công chúng, khả năng digital marketing... Một trong những thách thức đặt ra là nếu các cơ sở dịch vụ chuyển đổi sang mô hình dịch vụ thông minh thì hàng loạt các yếu tố sẽ phải thay đổi liên quan tới các thiết bị phần cứng, phần mềm, công nghệ, dịch vụ phòng thông minh, quản lý du khách thông minh và chương trình điều hành thông minh. Do vậy nhà trường cần nhiều kinh phí hơn để đầu tư cho hệ thống trang thiết bị số.

#### **2.4. Một số giải pháp**

Để phát triển bền vững du lịch trong thời đại mới tất yếu phải đi liền với sự ứng dụng công nghệ có hiệu quả, vì vậy cần có những giải pháp phù hợp nhằm nâng cao công tác quản lý, kỹ năng sử dụng công nghệ và tích cực cải tiến những trải nghiệm của du khách, cụ thể:

*Một là, cần có sự đào tạo chuyên nghiệp về công nghệ số cho ngành du lịch Quảng Bình.*

Nguồn nhân lực là yếu tố nòng cốt, chủ đạo quyết định thành công cho bất kỳ một lĩnh vực nào và với du lịch nó cũng không ngoại lệ. Nguồn nhân lực địa phương càng có chất lượng, chuyên môn tốt, ứng dụng công nghệ hiệu quả bao nhiêu thì hiệu suất tạo ra cho ngành du lịch sẽ càng cao bấy nhiêu. Vì vậy thiết thực nhất chính là thực hiện đào tạo bài bản, chuyên sâu về công nghệ du lịch ngay tại ghế giảng đường, tại các trường chuyên ngành du lịch và dịch vụ thông tin. Cần chỉ cho người học các kỹ năng quản lý phần mềm, quản lý dữ liệu, sử dụng công nghệ AI ra sao, Big Data như thế nào.....

Đối với lực lượng đã và đang tham gia làm việc trong ngành du lịch thì có thể tham gia vào các khoá học ngắn hạn hay các chương trình đào tạo về công nghệ tại các địa phương, các địa phương cũng cần thường xuyên tổ chức các lớp nâng cao kỹ năng này nhằm nâng cao năng lực quản lý, tăng cường khả năng sử dụng công nghệ, ứng dụng các kỹ thuật phân tích dữ liệu du khách, quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên.....

*Hai là, đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ.*

Đây là chìa khoá quan trọng hỗ trợ việc triển khai các ứng dụng công nghệ số hoá vào hoạt động du lịch bền vững. Để thực hiện được điều này cần có sự đồng bộ từ cấp quốc gia về địa phương rồi mới xuống cơ sở phục vụ. Cụ thể cần tập trung mạnh

vào phát triển mạng internet tốc độ cao, những vùng sâu vùng xa có tiềm năng du lịch lớn thì cần cải thiện chất lượng mạng, nâng cao khả năng kết nối internet.

Các đơn vị kinh doanh trong ngành du lịch cần 100% ứng dụng công nghệ số vào các hoạt động của cơ sở, nâng cấp tầm quản lý tạo được sự thuận tiện cho cả khách hàng sử dụng lẫn những đơn vị, đối tác trong quá trình sử dụng. Dễ dàng phân tích dữ liệu về hành vi du khách, tối ưu hóa các chiến lược marketing và tạo ra các trải nghiệm du lịch cá nhân hóa.

Ngoài ra các dự án hợp tác về phát triển hạ tầng kỹ thuật số, ứng dụng công nghệ blockchain trong việc quản lý và minh bạch thông tin về du lịch, hay các giải pháp thực tế ảo (VR) để tạo ra trải nghiệm du lịch mới lạ có thể được triển khai rộng rãi. Việc xây dựng các mô hình hợp tác này sẽ giúp giảm thiểu rủi ro đầu tư và đem lại lợi ích kinh tế lâu dài.

*Ba là, nâng cao nhận thức của khách du lịch đối với du lịch bền vững.*

Hiện nay công nghệ số đang được du khách ứng dụng rộng rãi và cảm nhận được sự thuận tiện khi sử dụng, các ứng dụng trên điện thoại hay các nền tảng kỹ thuật số giúp du khách dễ dàng có những thông tin cụ thể về các địa điểm, các địa phương, dễ dàng có được những thông tin về các cảnh báo về bảo tồn, di sản, văn hoá địa phương cũng như hướng dẫn du khách tham gia vào các hoạt động bảo vệ thiên nhiên. Điều này giúp du khách nâng cao được nhận thức đối với du lịch bền vững, từ đó có những hành động tích cực và tạo được hiệu ứng lan tỏa đến cộng đồng du khách ở khắp

nơi trên thế giới.

### 3. KẾT LUẬN

Cuộc cách mạng công nghệ 4.0 đã mở ra một thời đại mới cho công nghệ số. Từ việc kết nối hàng tỷ người trên toàn thế giới, đến việc biến những ý tưởng trừu tượng thành hiện thực, công nghệ số đã trở thành một khía cạnh không thể thiếu trong xã hội hiện đại. Đối với các ngành nghề trong tổng thể các lĩnh vực phát triển kinh tế của quốc gia nói chung và ngành du lịch nói riêng công nghệ số xóa bỏ hoàn toàn cách làm việc thủ công, nâng cao hiệu suất cũng như hiệu quả hoạt động toàn diện trong các doanh nghiệp. Bản thân quá trình chuyển đổi số trong ngành du lịch là một thách thức, nhưng thách thức đó cũng chính là cơ hội cho những đơn vị, doanh nghiệp, đặc biệt là cá nhân nào biết ứng dụng các giải pháp công nghệ để thay đổi tư duy, cách thức, phương pháp làm việc một cách có hiệu quả.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2022), *Quyết định số 3570/QĐ-BVHTTDL, ngày 21/12/2022 ban hành Đề án "Ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0 để phát triển du lịch thông minh, thúc đẩy du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn"*.
- [2] Cục Thông tin KH&CN Quốc Gia, *Tổng luận "Việc làm tương lai và định hình chiến lược con người trong cách mạng công nghiệp lần thứ tư"*, 2020
- [3] George Mehaffy, "Challenge and Change," *Educ. Rev.*, vol. 47, pp. 25–42, 2012, [Online]. Available: <https://er.educause.edu/articles/2012/9/chall>

enge-and-change.

[4] Hande Mutlu Ozturk (2020), "Technological Developments: Industry 4.0 and Its Effect on the Tourism Sector, Handbook of Research on Smart Technology Applications in the Tourism Industry, IGI Global Publisher", pp.205-228.

[5] H. T. Bảo, "Chuyển đổi số thời Covid-19," 2020. <https://tiasang.com.vn/khoa-hoc-cong-nghe/Chuyen-doi-so-thoi-Covid19-23135> (accessed May 20, 2020).

[6] Lê Quang Đăng (2018), *Cách mạng công nghiệp 4.0 và tiến trình phát triển du lịch thông minh tại Việt Nam*, Viện nghiên cứu phát triển du lịch.

[7] "Thống kê Internet Việt Nam 2020

Vnetwork JSC," 2020. <https://vnetwork.vn/news/thong-ke-internet-viet-nam-2020> (accessed May 20, 2020).

[8] UNWTO (2020). Digital Transformation. <https://www.unwto.org/digital-transformation>.

[9] World Economic Forum. (2017). *Digital Transformation Initiative Aviation*. Travel and Tourism Industry

[10] <https://dangcongsan.vn/kinh-te/chuyen-doi-so-la-xu-huong-tat-yeu-doi-voi-nganh-du-lich-628056.html> ngày 21/12/2022.

#### TÁC GIẢ LIÊN HỆ

Phan Thị Quỳnh Trang

Trường Đại học Quảng Bình

Email: [tranguniqb@gmail.com](mailto:tranguniqb@gmail.com)

Điện thoại: 0962.041.288



**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**

**Địa chỉ:**

- Số 1: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- Số 2: Số 72, đường Nguyễn Thái Học, phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- Điện thoại: (0220) 3882 269 Fax: (0220) 3882 921 Website: <http://saodo.edu.vn> Email: [info@saodo.edu.vn](mailto:info@saodo.edu.vn)

**P. ISSN 1859-4190  
E. ISSN 2815-553X**

**Số 2 (90)**

**2025**

**Địa chỉ Tòa soạn:**

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>/Email: [tapchikhcn@saodo.edu.vn](mailto:tapchikhcn@saodo.edu.vn).

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.  
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.